Chi tiết mã HS 3004.49.11

Mã HS	3004.49.11
Mô tả hàng hóa	Thuốc (trừ các mặt hàng thuộc nhóm 30.02, 30.05 hoặc 30.06) gồm các sản phẩm đã hoặc chưa pha trộn dùng cho phòng bệnh hoặc chữa bệnh, đã được đóng gói theo liều lượng (kể cả các sản phẩm thuộc loại dùng để hấp thụ qua da) hoặc làm thành dạng nhất định hoặc đóng gói để bán lẻ / - Loại khác, chứa alkaloit hoặc các dẫn xuất của chúng: / - - Loại khác: / - - - Chứa morphine hoặc các dẫn xuất của nó: / - - - - Dạng uống (*) hoặc tiêm
Đơn vị	kg/chiếc
Thời điểm tạo	06/11/2026 05:04:52
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/30044911/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K4600
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N4600
Thuế GTGT (VAT)	5/8/10	5 / 8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q4600
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VNCU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2023 - 2027	VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E4522
ATIGA	2022	2022	0	AT!E4483
ATIGA	2023	2023	0	AT!F4483
ATIGA	2024	2024	0	AT!G4483
ATIGA	2025	2025	0	AT!H4483
ATIGA	2026	2026	0	AT!I4483
ATIGA	2027	2027	0	AT!J4483
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E4521
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F4521
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G4521
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H4521

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I4521
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J4521
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E4525
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F4525
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G4525
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H4525
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I4525
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J4525
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F4525
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H4489
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F4485
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G4485
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H4485
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I4485
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J4485
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K4485
VKFTA	2022	2022	0	VK!E4485
VKFTA	2023	2023	0	VK!F4485
VKFTA	2024	2024	0	VK!G4485
VKFTA	2025	2025	0	VK!H4485
VKFTA	2026	2026	0	VK!I4485
VKFTA	2027	2027	0	VK!J4485
VCFTA	2022	2022	0	VC!D4532
VCFTA	2023	2023	0	VC!E4532
VCFTA	2024	2024	0	VC!F4532
VCFTA	2025	2025	0	VC!G4532

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H4532
VCFTA	2027	2027	0	VC!I4532
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D4529
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E4529
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F4529
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G4529
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H4529
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I4529
VNCU	2022	2022	0	VNCU!D645
VNCU	2023 - 2027		0	VNCU!E645
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D4537
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E4537
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F4537
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G4537
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H4537
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I4537
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D4508
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E4508
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F4508
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G4508
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H4508
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I4508
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D4510
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E4510
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F4510
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G4510

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H4510
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I4510
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D4508
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E4508
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F4508
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G4508
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H4508
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I4508
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J4508
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D4529
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E4529
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F4529
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G4529
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H4529
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I4529
RCEP B	2022	2022	0	B!D4529
RCEP B	2023	2023	0	B!E4529
RCEP B	2024	2024	0	B!F4529
RCEP B	2025	2025	0	B!G4529
RCEP B	2026	2026	0	B!H4529
RCEP B	2027	2027	0	B!I4529
RCEP C	2022	2022	0	C!D4529
RCEP C	2023	2023	0	C!E4529
RCEP C	2024	2024	0	C!F4529
RCEP C	2025	2025	0	C!G4529
RCEP C	2026	2026	0	C!H4529

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I4529
RCEP D	2022	2022	0	D!D4529
RCEP D	2023	2023	0	D!E4529
RCEP D	2024	2024	0	D!F4529
RCEP D	2025	2025	0	D!G4529
RCEP D	2026	2026	0	D!H4529
RCEP D	2027	2027	0	D!I4529
RCEP E	2022	2022	0	E!D4532
RCEP E	2023	2023	0	E!E4532
RCEP E	2024	2024	0	E!F4532
RCEP E	2025	2025	0	E!G4532
RCEP E	2026	2026	0	E!H4532
RCEP E	2027	2027	0	E!I4532
RCEP F	2022	2022	0	F!D4529
RCEP F	2023	2023	0	F!E4529
RCEP F	2024	2024	0	F!F4529
RCEP F	2025	2025	0	F!G4529
RCEP F	2026	2026	0	F!H4529
RCEP F	2027	2027	0	F!I4529
VIFTA	2024	2024	0	VI!F4171
VIFTA	2025	2025	0	VI!G4171
VIFTA	2026	2026	0	VI!H4171
VIFTA	2027	2027	0	VI!I4171

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	Thuốc chỉ chứa 01 thành phần dược chất XK, NK (09/2024/TT-BYT-DM8)		09/2024/TT-BYT-DM	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 3004.49 có 8 dòng thuế; dòng 3004.49.11 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Dạng uống (*) hoặc tiêm.	3004.49.19 Loại khác; 3004.49.51 Dạng uống (*); 3004.49.59 Loại khác; 3004.49.60 Chứa theophylline, dạng uống (*); 3004.49.70 Chứa atropine sulphate; 3004.49.80 Chứa quinine hydrochloride hoặc dihydroquinine chloride, dùng để tiêm; Chứa quinine sulphate hoặc bisulphate, dạng uống (*)	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
HS-004	YELLOW	Mã HS mới từ Danh mục 2023	Mã 3004.49.11 được đánh dấu là mã mới bổ sung trong biểu thuế 2023 (worksheet MOI). Hợp đồng, C/O hoặc tài liệu cũ có thể dùng mã 2017.	MOI: 3004.49.11	31/2022/TT-BTC	Đảm bảo C/O và chứng từ thể hiện mã HS phù hợp; file nguồn không cung cấp bảng tương quan mã cũ–mới.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “5/8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 3004.49.11. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 3004.49.11 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N4600), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
Thuốc chỉ chứa 01 thành phần dược chất XK, NK (09/2024/TT-BYT-DM8)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.